

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp,
quản lý và sử dụng phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIII, Kỳ họp thứ 3 ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 4500/STC-QLG ngày 19 tháng 12 năm 2016; Báo cáo số 328/BC-STP ngày 19 tháng 12 năm 2016 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

1. Mức thu:

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo Quyết định này)

2. Đối tượng nộp phí và tổ chức thu phí:

a) Đối tượng nộp phí: Tổ chức, cá nhân sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố vào mục đích sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh phù hợp với quy hoạch, kế hoạch và quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng lòng đường, hè phố.

b) Tổ chức thu phí:

UBND cấp huyện căn cứ vào từng địa điểm, vị trí thuận lợi và lợi thế thương mại tại các điểm lòng đường, hè phố (theo quy hoạch) để xây dựng vị trí cụ thể theo 4 vị trí (từ vị trí 1 đến vị trí 4) trên địa bàn cho phù hợp với thực tế, báo cáo UBND tỉnh đồng thời gửi Sở Tài chính để kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

Giao cho UBND cấp huyện chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn được tổ chức thu phí tại nơi quy hoạch cho phép thu phí thuộc địa bàn quản lý, đồng thời phải đảm bảo trật tự, an toàn giao thông theo đúng quy định.

Đơn vị được giao nhiệm vụ thu phí phải niêm yết hoặc thông báo công khai mức thu phí tại điểm thu phí.

3. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí:

a) Quản lý phí: Đơn vị được giao nhiệm vụ thu phí có trách nhiệm:

Cấp biên lai thu phí hoặc hóa đơn thu phí cho đối tượng nộp phí theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính hướng dẫn về in, phát hành, quản lý, sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước.

Thực hiện đăng ký, kê khai, thu, nộp và quyết toán tiền phí thu được theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

b) Sử dụng phí:

Đối với đơn vị được giao nhiệm vụ thu phí đã được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí được trích để lại 10% trên tổng số phí thu được để trang trải chi phí cho công tác thu phí, phần còn lại 90% nộp vào ngân sách nhà nước.

Đối với đơn vị thu phí không được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí được trích để lại 70% trên tổng số phí thu được để trang trải chi phí cho công tác thu phí, phần còn lại 30% nộp vào ngân sách nhà nước.

Số tiền phí được để lại, cơ quan thu phí phải sử dụng đúng mục đích, có chứng từ hợp pháp; mức chi cụ thể theo tiêu chuẩn, định mức quy định hiện hành và thực hiện quyết toán hằng năm.

Hàng tháng, chậm nhất ngày 05 của tháng sau, đơn vị được giao nhiệm vụ thu phí có trách nhiệm nộp số tiền phí thu được (sau khi trừ đi số phí được trích để lại theo quy định) vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc Nhà nước.

Các nội dung khác liên quan đến quản lý và sử dụng phí không được đề cập tại Quyết định này được thực hiện theo hướng dẫn tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP, Thông tư số 250/2016/TT-BTC, Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 2. Tổ chức, cá nhân vi phạm trong việc quản lý và sử dụng phí sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và thay thế Quyết định số 24/2015/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2015 của UBND tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng hè đường, lề đường, bến, bãi, mặt nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị: Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải, Cục Thuế tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *lưu*

Nơi nhận:

- Chính phủ;
 - Bộ Tài chính;
 - Bộ Giao thông vận tải;
 - Bộ Tư pháp;
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
 - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
 - Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
 - Như Điều 4;
 - Sở Tư pháp;
 - Trung tâm Thông tin tỉnh;
 - Lưu: VT, KT, TH, CNN, QH XD.
- Trinhnq/QĐ.T12/35b

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



gblm
Vũ Hồng Bắc



**MỨC THU PHÍ SỬ DỤNG ĐẤT VÀ PHÍ LÒNG ĐƯỜNG, HÈ PHỐ
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN**

(Kèm theo Quyết định số 24/2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)



STT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức thu
1	Khu vực I: Bao gồm các phường: Trung Vương, Quang Trung, Phan Đình Phùng, Hoàng Văn Thụ, Đồng Quang	Đồng/m ² /tháng - Vị trí 1: - Vị trí 2: - Vị trí 3: - Vị trí 4:	100.000 80.000 65.000 50.000
2	Khu vực II: Bao gồm các phường: Trung Thành, Tân Lập, Tân Long, Tân Thành, Tân Thịnh, Quan Triều, Gia Sàng, Túc Duyên, Hương Sơn, Phú Xá, Quang Vinh, Thịnh Đán, Tích Lương, Cam Giá, các phường thuộc thành phố Sông Công và trung tâm các huyện, thị xã	Đồng/m ² /tháng - Vị trí 1: - Vị trí 2: - Vị trí 3: - Vị trí 4:	70.000 50.000 35.000 20.000
3	Khu vực III: Bao gồm trung tâm các xã, thị trấn thuộc huyện, thành phố, thị xã	Đồng/m ² /tháng - Vị trí 1: - Vị trí 2: - Vị trí 3: - Vị trí 4:	50.000 30.000 20.000 10.000
4	Khu vực IV: Bao gồm các xã còn lại	Đồng/m ² /tháng - Vị trí 1: - Vị trí 2: - Vị trí 3: - Vị trí 4:	30.000 20.000 15.000 8.000

